

Số: 16/2023/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng:
Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023-2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX
KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ về Phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt
khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021- 2025,
định hướng đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính
sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự
do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023- 2030; Báo
cáo thẩm tra số 232/BC-HĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng:
Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh
Tuyên Quang, giai đoạn 2023-2030.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ ống, lũ quét; hộ gia đình sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ ống, lũ quét, ngập lụt.

2.2. Hộ gia đình sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; sống ở nơi ô nhiễm môi trường.

2.3. Hộ gia đình đã di cư tự do đến các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

2.4. Hộ gia đình đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng địa phương không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển mà phải bố trí ổn định tại chỗ.

2.5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023-2030.

3. Phạm vi và đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không bao gồm phạm vi và đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2030.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc sắp xếp, bố trí dân cư phải thực hiện theo kế hoạch, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, đảm bảo phù hợp với quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

2. Ưu tiên chính sách hỗ trợ thực hiện ở nơi bị thiên tai, có nguy cơ thiên tai; nơi đặc biệt khó khăn dễ xảy ra di cư tự do. Đồng thời khuyến khích việc sắp xếp, bố trí dân cư theo hình thức xen ghép.

3. Hỗ trợ một lần đối với hộ gia đình có nhà ở tại khu vực cần sắp xếp, bố trí dân cư.

4. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng định mức, đúng đối tượng.

5. Trong trường hợp có nhiều mức hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án khác nhau từ ngân sách nhà nước về làm nhà và sửa chữa nhà ở thì áp dụng chính sách có lợi nhất, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Ngoài ra, hộ gia đình đều được hưởng các chính sách khác theo quy định hiện hành.

6. Việc xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện cùng với kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách hàng năm; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ theo hình thức xen ghép

1.1. Hỗ trợ tạo mặt bằng để làm nhà ở

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ tạo mặt bằng để người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép. Mức hỗ trợ 44,0 triệu đồng/hộ gia đình.

b) Điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình thực hiện việc tạo mặt bằng đất ở theo kế hoạch, phương án được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt.

c) Phương thức hỗ trợ: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tạm ứng 50% kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình khi tổ chức thực hiện việc tạo mặt bằng làm nhà ở; 50% kinh phí còn lại sẽ hỗ trợ sau khi hoàn thành tạo mặt bằng làm nhà ở và được nghiệm thu theo quy định.

1.2. Hỗ trợ làm nhà tại nơi ở mới

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ làm nhà tại nơi ở mới cho hộ gia đình di chuyển theo hình thức xen ghép. Mức hỗ trợ: Đối với hộ nghèo 50,0 triệu đồng/hộ gia đình; hộ không thuộc diện hộ nghèo 25,0 triệu đồng/hộ gia đình.

b) Điều kiện hỗ trợ: Nhà tại nơi ở mới đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhà ở theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025.

c) Phương thức hỗ trợ: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tạm ứng 50% kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình khi tổ chức thực hiện làm nhà; 50% kinh phí còn lại sẽ hỗ trợ sau khi hoàn thành làm nhà tại nơi ở mới và được nghiệm thu theo quy định.

2. Hỗ trợ theo hình thức ổn định tại chỗ

2.1. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ để nâng cấp nhà ở, xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai cho hộ gia đình đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ. Mức hỗ trợ 20,0 triệu đồng/hộ gia đình.

2.2. Điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình thực hiện việc nâng cấp nhà ở, xây dựng, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai theo kế hoạch, phương án được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt.

2.3. Phương thức hỗ trợ: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tạm ứng 50% kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình khi thực hiện nâng cấp nhà ở, xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai; 50% kinh phí còn lại sẽ hỗ trợ sau khi hoàn thành việc nâng cấp nhà ở, xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai và được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XIX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLPL);
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (Nam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân